

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ
AN GIANG



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	14 - 32
8. Phụ lục	33 - 35



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1601604590, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 07 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam
- Điện thoại : 0296.3844848
- Fax : 0296.3959552

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Đốc	Số 269, đường Hoàng Diệu, phường Châu Đốc, tỉnh An Giang, Việt Nam
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Thoại Sơn	Đường Nguyễn Huệ, ấp Bắc Sơn, xã Thoại Sơn, tỉnh An Giang, Việt Nam
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Thành	Áp Bình Phú 1, xã Bình Hòa, tỉnh An Giang, Việt Nam
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tịnh Biên	Khóm Thới Thuận, phường Thới Sơn, tỉnh An Giang, Việt Nam
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tri Tôn	Đường số 02, khu dân cư Sao Mai, khóm 5, xã Tri Tôn, tỉnh An Giang, Việt Nam
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Phú	Đường số 10, khu đô thị Sao Mai, xã Châu Phú, tỉnh An Giang, Việt Nam
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Chợ Mới	Số 296/4 đường Châu Văn Liêm, ấp Thị 1, xã Long Điền, tỉnh An Giang, Việt Nam
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Phú Tân	Số 109, ấp Thượng 2, xã Phú Tân, tỉnh An Giang, Việt Nam
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tân Châu	Số 21, đường Lê Thị Riêng, khóm Long Thạnh C, phường Long Phú, tỉnh An Giang, Việt Nam
Xí nghiệp Môi trường Đô thị An Phú	Số 2729, tổ 30, ấp Phú Mỹ, xã An Phú, tỉnh An Giang, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Quét rác đường phố, vỉa hè; Dịch vụ quản lý khai thông hệ thống nước thải, xử lý nước thải; Rút hầm cầu, hầm lãng; Dịch vụ cung cấp vận chuyển đồ, lau dọn vệ sinh cho các tổ chức, cá nhân; Thu gom, vận chuyển chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất thải công nghiệp; Dịch vụ quản lý, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố; Dịch vụ quản lý, vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024
Ông Trần Minh Tâm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024
Ông Đặng Anh Dũng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024
Ông Trần Hữu Bình	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024
Ông Đỗ Văn Lạc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024
Bà Đinh Thị Ngọc Nga	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/bổ nhiệm
Bà Võ Thị Ngọc Bích	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/bổ nhiệm
Ông Trần Minh Tâm	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2023
Ông Đặng Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2023
Bà Đinh Thị Ngọc Nga	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2024
Ông Tô Hoàng Môn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2024
Bà Nguyễn Hữu Hạnh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024
Ông Trần Minh Tâm	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2023

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trần Minh Tâm
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2026



- 003
(TNHH
VÀ TƯ
C
ÁNH
M B C
TP. C

Số: 4.0209/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Tây Nam Bộ



Nguyễn Hữu Danh

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2023-008-1

Người được ủy quyền

Nguyễn Hữu Nghi

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3132-2025-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		146.826.969.249	154.061.633.165
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	38.223.674.071	30.027.470.266
1. Tiền	111		38.223.674.071	30.027.470.266
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.144.985.507	995.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	12.144.985.507	995.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.416.685.262	119.167.328.540
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	91.714.297.049	113.286.971.799
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.525.770.731	4.208.983.700
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1.896.119.482	2.246.303.041
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(719.502.000)	(574.930.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		493.279.099	732.589.613
1. Hàng tồn kho	141	V.7	493.279.099	732.589.613
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.548.345.310	3.139.244.746
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.548.345.310	2.541.245.289
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	597.999.457
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		145.629.667.965	153.939.694.681
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		407.604.493	407.604.493
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	407.604.493	407.604.493
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		87.235.389.779	103.455.805.690
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	68.852.788.545	85.058.943.362
- Nguyên giá	222		227.001.367.621	226.405.983.782
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(158.148.579.076)	(141.347.040.420)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	18.382.601.234	18.396.862.328
- Nguyên giá	228		18.895.451.234	18.895.451.234
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(512.850.000)	(498.588.906)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		57.719.320.328	49.771.648.565
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	57.719.320.328	49.771.648.565
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		267.353.365	304.635.933
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	267.353.365	304.635.933
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		292.456.637.214	308.001.327.846

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		75.756.572.166	93.121.212.774
I. Nợ ngắn hạn	310		73.794.534.666	93.121.212.774
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	4.876.507.712	1.051.376.055
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	53.671.746	78.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	6.807.760.819	14.482.143.335
4. Phải trả người lao động	314	V.15	28.253.651.471	48.604.228.630
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	209.536.860	430.248.777
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	67.096.686	19.242.046
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	654.012.500	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	24.005.592.255	24.005.592.255
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	8.866.704.617	4.450.381.676
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.962.037.500	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	1.962.037.500	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

981
NG T
TOÁN
A&
CHI N
ÂY N
HÚ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		216.700.065.048	214.880.115.072
I. Vốn chủ sở hữu	410		216.700.065.048	214.880.115.072
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	198.930.000.000	198.930.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		198.930.000.000	198.930.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	13.791.465.048	11.971.515.072
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	3.978.600.000	3.978.600.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	3.978.600.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.978.600.000	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		292.456.637.214	308.001.327.846

An Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2026



Trần Thị Thúy
Người lập



Nguyễn Hữu Hạnh
Kế toán trưởng



Trần Minh Tâm
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	252.191.869.396	293.130.040.271
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		252.191.869.396	293.130.040.271
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	211.981.024.600	237.745.638.818
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.210.844.796	55.384.401.453
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	773.892.271	110.489.611
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	16.085.788.803	18.289.122.477
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.898.948.264	37.205.768.587
11. Thu nhập khác	31	VI.5	36.952.299	134.502.408
12. Chi phí khác	32	VI.6	289.460.258	1.937.731.220
13. Lợi nhuận khác	40		(252.507.959)	(1.803.228.812)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.646.440.305	35.402.539.775
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	6.446.940.543	7.451.756.410
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>18.199.499.762</u>	<u>27.950.783.365</u>

Trần Thị Thúy
Người lập

Nguyễn Hữu Hạnh
Kế toán trưởng

Trần Minh Tâm
Tổng Giám đốc



An Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		24.646.440.305	35.402.539.775
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	16.815.799.750	17.635.464.942
- Các khoản dự phòng	03		144.572.000	574.930.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(701.815.474)	(216.264.689)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		40.904.996.581	53.396.670.028
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		25.377.531.608	(18.548.891.563)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		239.310.514	126.849.059
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(22.570.410.922)	(11.324.942.646)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.258.251.816	(532.924.488)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(8.298.479.170)	(6.659.618.206)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(7.984.626.845)	(13.063.464.536)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28.926.573.582	3.393.677.648
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11	(8.771.124.871)	(9.454.546.459)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	105.775.078
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.878.841.507)	(995.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.728.856.000	10.140.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	528.354.601	82.023.023
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.392.755.777)	(121.748.358)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

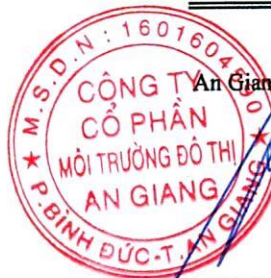
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18b	2.616.050.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, V.21	(3.953.664.000)	(3.967.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.337.614.000)	(3.967.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.196.203.805	(695.370.710)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	30.027.470.266	30.722.840.976
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	38.223.674.071	30.027.470.266

Trần Thị Thúy
Người lập

Nguyễn Hữu Hạnh
Kế toán trưởng

Trần Minh Tâm
Tổng Giám đốc



An Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Quét rác đường phố, vỉa hè; Dịch vụ quản lý khai thông hệ thống nước thải, xử lý nước thải; Rút hầm cầu, hầm lắng; Dịch vụ cung cấp vận chuyển đồ, lau dọn vệ sinh cho các tổ chức, cá nhân; Thu gom, vận chuyển chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất thải công nghiệp; Dịch vụ quản lý, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố; Dịch vụ quản lý, vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Đốc	Số 269, đường Hoàng Diệu, phường Châu Đốc, tỉnh An Giang, Việt Nam
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Thoại Sơn	Đường Nguyễn Huệ, ấp Bắc Sơn, xã Thoại Sơn, tỉnh An Giang, Việt Nam
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Thành	Ấp Bình Phú 1, xã Bình Hòa, tỉnh An Giang, Việt Nam
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tịnh Biên	Khóm Thới Thuận, phường Thới Sơn, tỉnh An Giang, Việt Nam
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tri Tôn	Đường số 02, khu dân cư Sao Mai, khóm 5, xã Tri Tôn, tỉnh An Giang, Việt Nam
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Phú	Đường số 10, khu đô thị Sao Mai, xã Châu Phú, tỉnh An Giang, Việt Nam
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Chợ Mới	Số 296/4 đường Châu Văn Liêm, ấp Thị 1, xã Long Điền, tỉnh An Giang, Việt Nam
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Phú Tân	Số 109, ấp Thượng 2, xã Phú Tân, tỉnh An Giang, Việt Nam
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tân Châu	Số 21, đường Lê Thị Riêng, khóm Long Thạnh C, phường Long Phú, tỉnh An Giang, Việt Nam
Xí nghiệp Môi trường Đô thị An Phú	Số 2729, tổ 30, ấp Phú Mỹ, xã An Phú, tỉnh An Giang, Việt Nam

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 833 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 901 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



198
ĐNG
TOÁ
A
CHI
TÂY
PHÚ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác	06 - 13



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.812.338.213	3.227.106.652
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.411.335.858	26.800.363.614
Cộng	<u>38.223.674.071</u>	<u>30.027.470.266</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn 7 - 12 tháng	12.144.985.507	12.144.985.507	995.000.000	995.000.000
Cộng	12.144.985.507	12.144.985.507	995.000.000	995.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên	-	60.128.323.000
Ủy ban nhân dân phường Long Xuyên	13.823.016.000	-
Ủy ban nhân dân phường Bình Đức	12.224.919.000	-
Các khách hàng khác	65.666.362.049	53.158.648.799
Cộng	91.714.297.049	113.286.971.799

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác		
Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường	252.774.500	253.819.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kỹ thuật Xây dựng - VN.CIC	240.000.000	240.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Giao thông IQ	219.977.031	128.028.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Sản xuất Hoàng Hà	161.700.000	161.700.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Việt Mỹ	-	3.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	651.319.200	425.436.700
Cộng	1.525.770.731	4.208.983.700

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phòng quản lý đô thị thị xã Tân Châu - Chi hộ tiền điện công lộ	1.669.818.481	-	2.027.703.195	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	177.380.640	-	3.919.767	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	48.920.361	-	214.680.079	-
Cộng	1.896.119.482	-	2.246.303.041	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký quỹ, ký cược	407.604.493	-	407.604.493	-
Cộng	407.604.493	-	407.604.493	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV Bảo Duy - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Trên 03 năm	13.500.000	-	Trên 03 năm	13.500.000	-
Công ty Cổ phần Việt An - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Trên 03 năm	200.000.000	-	Trên 03 năm	200.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Á Châu - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	717.460.000	215.238.000	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	717.460.000	358.730.000
Công ty TNHH Xúc tiến Thương mại Tổ chức Sự kiện Quảng cáo Thương hiệu Việt - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	4.500.000	1.350.000	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	4.500.000	2.250.000
Công ty TNHH Hiệp Phát Châu Phú - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	900.000	270.000	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	900.000	450.000
Cộng		936.360.000	216.858.000		936.360.000	361.430.000

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	574.930.000	-
Trích lập dự phòng bổ sung	144.572.000	574.930.000
Số cuối năm	719.502.000	574.930.000

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	430.659.840	-	602.316.125	-
Công cụ, dụng cụ	62.619.259	-	130.273.488	-
Cộng	493.279.099	-	732.589.613	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	170.001.987	128.028.521
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	966.146.144	2.133.333.091
Chi phí bảo hiểm	37.112.547	34.021.899
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	375.084.632	245.861.778
Cộng	1.548.345.310	2.541.245.289

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	33.087.186	156.530.962
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	12.363.450	106.022.003

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các chi phí trả trước dài hạn khác	221.902.729	42.082.968
Cộng	267.353.365	304.635.933

9. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm.

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	18.382.601.234	512.850.000	18.895.451.234
Số cuối năm	18.382.601.234	512.850.000	18.895.451.234
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	512.850.000	512.850.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	498.588.906	498.588.906
Khấu hao trong năm	-	14.261.094	14.261.094
Số cuối năm	-	512.850.000	512.850.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	18.382.601.234	14.261.094	18.396.862.328
Số cuối năm	18.382.601.234	-	18.382.601.234

Một số quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 4.486.455.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (xem thuyết minh số V.18b).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Một số chi phí mua sắm lắp đặt thiết bị có giá trị theo sổ sách là 8.036.435.185 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (xem thuyết minh số V.18b).

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Việt Mỹ	3.063.300.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bảo Toàn	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thương mại Ngân Hà	510.000.000	510.000.000
Các nhà cung cấp khác	703.207.712	541.376.055
Cộng	4.876.507.712	1.051.376.055

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh An Giang - Công ty TNHH Nông trại xanh Goodfarm Việt Nam	19.804.350	65.100.000
Hộ kinh doanh Nguyễn Nga	9.100.000	-
Các khách hàng khác	24.767.396	12.900.000
Cộng	53.671.746	78.000.000

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11.269.191.881	-	13.656.904.778	(19.568.790.493)	5.357.306.166	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.212.951.454	-	6.446.940.543	(8.298.479.170)	1.361.412.827	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	597.999.457	781.134.049	(94.092.766)	89.041.826	-
Thuế nhà đất	-	-	18.133.548	(18.133.548)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	596.477.518	(596.477.518)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	13.000.000	(13.000.000)	-	-
Cộng	14.482.143.335	597.999.457	21.512.590.436	(28.588.973.495)	6.807.760.819	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Vận chuyển, thu gom, xử lý rác thải, rút hầm cầu, thi công đường cống thoát nước 10%
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 Không chịu thuế
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025 10%

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 1767486856, chứng nhận lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2014 và chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 01 tháng 4 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

xử lý chất thải nguy hại với thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động kể từ khi dự án đi vào hoạt động.

Theo Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% đối với thu nhập từ các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn và xử lý nước thải.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.646.440.305	35.402.539.775
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	472.113.327	1.967.344.270
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	25.118.553.632	37.369.884.045
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	25.118.553.632	37.369.884.045
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	5.023.710.726	7.473.976.809
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(1.844.712.752)	(2.937.357.416)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	3.178.997.974	4.536.619.393
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	3.267.942.569	2.915.137.017
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.446.940.543	7.451.756.410

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích (m²)</u>	<u>Mức tiền thuê (VND/m²/năm)</u>
- Phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam	948,7	97.440
	1.166,9	58.464
	288	80.640
	248,8	48.384



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phường Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam	95,9	436.800
- Xã Phú Tân, tỉnh An Giang, Việt Nam	522,1	9.240
	641,4	5.544
- Phường Long Phú, tỉnh An Giang, Việt Nam	160	50.400
- Xã An Phú, tỉnh An Giang, Việt Nam	405	6.064
- Xã Châu Phú, tỉnh An Giang, Việt Nam	130,9	55.440
- Xã Thoại Sơn, tỉnh An Giang, Việt Nam	227,6	61.600
	229,9	36.960
- Xã Tri Tôn, tỉnh An Giang, Việt Nam	44,5	76.800
- Xã Bình Hòa, tỉnh An Giang, Việt Nam	1.841	5.513
- Phường Châu Đốc, tỉnh An Giang, Việt Nam	852,7	195.000
	1.279,7	81.900
	2.699,8	54.600
	3.554,3	27.300

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác
Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	28.253.651.471	48.604.228.630
Cộng	28.253.651.471	48.604.228.630

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí khám sức khỏe	-	251.545.000
Chi phí lập báo cáo quan trắc môi trường	118.278.703	141.402.777
Chi phí tiền điện	32.373.157	-
Chi phí bảo vệ	22.785.000	-
Chi phí thử nghiệm mẫu môi trường	36.100.000	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	37.301.000
Cộng	209.536.860	430.248.777

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	642.850	482.046
Cổ tức phải trả	43.696.000	18.760.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	22.757.836	-
Cộng	67.096.686	19.242.046

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.18b)	654.012.500	-
Cộng	654.012.500	-

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	-
Kết chuyển từ vay dài hạn	654.012.500
Cộng	654.012.500

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱ⁾	1.962.037.500	-
Cộng	1.962.037.500	-

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án, bổ sung chi phí mua sắm lắp đặt thiết bị (thiết bị còn thiếu, thay thế thiết bị không phù hợp, hệ thống tách lọc trước đốt, cải tạo ghi lò đốt, vận hành thử nghiệm 90 ngày) cho nhà máy xử lý chất thải rắn tại Chợ Mới với lãi suất điều chỉnh (lãi suất tại thời điểm giao kết hợp đồng là 12%/năm), thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ dự án mua sắm lắp đặt thiết bị theo hợp đồng cung cấp lắp đặt thiết bị số 0112/2023/HĐ-TB ngày 06/12/2023 (xem thuyết minh số V.10 và V.11).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	654.012.500	-
Trên 01 năm đến 05 năm	1.962.037.500	-
Cộng	2.616.050.000	-

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh trong năm	2.616.050.000
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(654.012.500)
Cộng	1.962.037.500



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến chi phí sau đóng cửa các ô chôn lấp rác. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	24.005.592.255
Số cuối năm	<u>24.005.592.255</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	3.545.661.994	6.705.729.981	(4.615.474.000)	5.635.917.975
Quỹ phúc lợi	514.608.432	5.481.219.805	(3.229.852.845)	2.765.975.392
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	390.111.250	214.000.000	(139.300.000)	464.811.250
Cộng	<u>4.450.381.676</u>	<u>12.400.949.786</u>	<u>(7.984.626.845)</u>	<u>8.866.704.617</u>

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	194.718.000.000	194.718.000.000
Các cổ đông khác	4.212.000.000	4.212.000.000
Cộng	<u>198.930.000.000</u>	<u>198.930.000.000</u>

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.893.000	19.893.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.893.000	19.893.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.893.000	19.893.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.893.000	19.893.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.893.000	19.893.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận các năm trước theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số được phân phối</u>	<u>Số đã phân phối trong năm trước</u>	<u>Số phân phối trong năm nay</u>
• Chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông (2%/vốn điều lệ)	3.978.600.000	-	3.978.600.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	1.979.709.219	1.979.709.219	-
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.638.682.970	13.638.682.970	-
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	200.100.000	200.100.000	-

Ngoài ra, Công ty đã tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 theo tỷ lệ của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

	<u>VND</u>
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.819.949.976
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 12.186.949.786
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	: 214.000.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

22a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	817.812.550	817.812.550
Trên 1 năm đến 5 năm	3.257.579.802	3.257.579.802
Trên 5 năm	29.941.124.930	30.800.542.801
Cộng	<u>34.016.517.282</u>	<u>34.875.935.153</u>

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong 50 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang công bố.

22b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Phòng Tài chính Kế hoạch Long Xuyên - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	1.216.560.329	1.216.560.329	Không khả năng thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác	554.149.855	554.149.855	Không khả năng thu hồi
Cộng	<u>1.770.710.184</u>	<u>1.770.710.184</u>	



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ công ích	201.318.040.805	244.100.061.719
Doanh thu dịch vụ khác	50.873.828.591	49.029.978.552
Cộng	<u>252.191.869.396</u>	<u>293.130.040.271</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn dịch vụ công ích	179.263.979.583	210.677.229.122
Giá vốn dịch vụ khác	32.717.045.017	27.068.409.696
Cộng	<u>211.981.024.600</u>	<u>237.745.638.818</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	701.815.474	63.457.054
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	72.076.797	47.032.557
Cộng	<u>773.892.271</u>	<u>110.489.611</u>

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	11.376.912.890	13.677.563.590
Chi phí vật liệu quản lý	137.243.717	107.086.088
Chi phí đồ dùng văn phòng	149.345.936	526.617.831
Chi phí khấu hao tài sản cố định	529.231.714	565.605.058
Thuế, phí và lệ phí	196.528.457	229.431.046
Dự phòng phải thu khó đòi	144.572.000	574.930.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.244.255.721	989.490.089
Các chi phí khác	2.307.698.368	1.618.398.775
Cộng	<u>16.085.788.803</u>	<u>18.289.122.477</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	105.775.078
Thu tiền điện, nước cho thuê lại	33.294.891	28.727.330
Thu nhập khác	3.657.408	-
Cộng	<u>36.952.299</u>	<u>134.502.408</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt chậm nộp thuế	188.590.390	149.846.447
Chi bồi thường	24.000.000	379.950.000
Chi phí dịch vụ rác thải nguy hại	-	748.063.589
Chi phí thanh lý dự án	-	646.976.681
Xử lý công nợ	38.154.800	-
Chi phí khác	38.715.068	12.894.503
Cộng	<u>289.460.258</u>	<u>1.937.731.220</u>

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.743.409.632	37.162.928.100
Chi phí nhân công	166.906.067.178	170.650.026.622
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.815.799.750	17.635.464.942
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.539.357.551	21.662.687.112
Chi phí khác	11.880.285.884	9.096.788.108
Cộng	<u>256.884.919.995</u>	<u>256.207.894.884</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Ngọc Sơn - Chủ tịch Hội đồng quản trị	380.745.538	581.344.615
Ông Trần Minh Tâm - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	389.815.385	565.356.154
Ông Đặng Anh Dũng - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	378.769.231	550.141.231
Bà Đinh Thị Ngọc Nga - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	381.769.231	547.220.615
Ông Trần Hữu Bình - Thành viên Hội đồng quản trị	31.488.000	94.716.000
Ông Đỗ Văn Lạc - Thành viên Hội đồng quản trị	31.488.000	94.716.000
Ông Tô Hoàng Môn - Phó Tổng Giám đốc	319.796.615	285.404.000
Bà Võ Thị Ngọc Bích - Trưởng Ban kiểm soát	333.315.461	508.333.923
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thành viên Ban kiểm soát	30.240.000	90.720.000
Bà Nguyễn Thị Sơn - Thành viên Ban kiểm soát	25.200.000	7.560.000
Ông Trần Đình Thư - Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024)	-	45.360.000
Bà Nguyễn Hữu Hạnh - Kế toán trưởng	297.828.692	459.950.692
Cộng	2.600.456.153	3.830.823.230

1a. Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang là cổ đông lớn nắm giữ 97,88% vốn điều lệ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty chỉ phát sinh giao dịch về chia cổ tức với Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang với số tiền là 3.894.360.000 VND (năm trước là 3.894.360.000 VND).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

An Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Trần Thị Thúy
Người lập

Nguyễn Hữu Hạnh
Kế toán trưởng



Trần Minh Tâm
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	50.714.006.784	14.353.249.246	160.792.733.934	48.181.818	497.812.000	226.405.983.782
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	34.272.727	-	561.111.112	-	-	595.383.839
Số cuối năm	50.748.279.511	14.353.249.246	161.353.845.046	48.181.818	497.812.000	227.001.367.621
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.062.026.501	440.827.729	38.357.829.158	48.181.818	411.312.000	47.320.177.206
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	27.195.223.475	9.120.864.180	104.508.247.429	48.181.818	474.523.518	141.347.040.420
Khấu hao trong năm	2.719.936.556	1.596.940.044	12.478.008.212	-	6.653.844	16.801.538.656
Số cuối năm	29.915.160.031	10.717.804.224	116.986.255.641	48.181.818	481.177.362	158.148.579.076
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	23.518.783.309	5.232.385.066	56.284.486.505	-	23.288.482	85.058.943.362
Số cuối năm	20.833.119.480	3.635.445.022	44.367.589.405	-	16.634.638	68.852.788.545
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-



Trần Thị Thúy
Người lập



Nguyễn Hữu Hạnh
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Trần Minh Tâm
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển sang chi phí trả trước	Phân loại lại	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	895.759.257	561.111.112	(561.111.112)	-	-	895.759.257
Xây dựng cơ bản dở dang	48.594.595.992	8.210.013.759	(34.272.727)	-	-	56.770.337.024
- Công trình nhà máy xử lý chất thải rắn - huyện Chợ Mới	21.923.689.306	8.175.741.032	-	-	-	30.099.430.338
- Công trình xây dựng ô chôn lấp hợp vệ sinh số 2 - Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên	13.957.160.239	-	-	-	(2.146.148)	13.955.014.091
- Công trình xây dựng tổ hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn nguy hại và bùn thải	12.219.091.717	-	-	-	2.146.148	12.221.237.865
- Các công trình khác	494.654.730	34.272.727	(34.272.727)	-	-	494.654.730
Sửa chữa lớn tài sản cố định	281.293.316	2.020.869.833	-	(2.248.939.102)	-	53.224.047
Cộng	49.771.648.565	10.791.994.704	(595.383.839)	(2.248.939.102)	-	57.719.320.328



Trần Thị Thúy
Người lập



Nguyễn Hữu Hạnh
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Trần Minh Tâm
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	198.930.000.000	9.991.805.853	(4.175.091.176)	204.746.714.677
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	27.950.783.365	27.950.783.365
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	1.979.709.219	(15.818.492.189)	(13.838.782.970)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(3.978.600.000)	(3.978.600.000)
Số dư cuối năm trước	198.930.000.000	11.971.515.072	3.978.600.000	214.880.115.072
Số dư đầu năm nay	198.930.000.000	11.971.515.072	3.978.600.000	214.880.115.072
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	18.199.499.762	18.199.499.762
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	1.819.949.976	(14.220.899.762)	(12.400.949.786)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	(3.978.600.000)	(3.978.600.000)
Số dư cuối năm nay	198.930.000.000	13.791.465.048	3.978.600.000	216.700.065.048

An Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2026


Trần Thị Thúy
Người lập


Nguyễn Hữu Hạnh
Kế toán trưởng


Trần Minh Tâm
Tổng Giám đốc

